TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN THẠNH** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28-9-2023
Về việc: *"Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN THẠNH - TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh

***Hội thẩm nhân dân*:**

1. Ông Võ Thanh Hải

2. Bà Võ Thị Vân Khánh

- ***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa***: Bà Bùi Thị Huyền Trân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh.

Ngày 28 tháng 9 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 74/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2023 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 25 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2023/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1985; Địa chỉ: ấp P, xã N, huyện T, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1981; Địa chỉ: ấp P, xã N, huyện T, tỉnh Long An.

(Nguyên đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt mà không phải do sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nội dung vụ kiện như sau:

Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Minh T xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở M vào năm 2003. Chị N và anh T và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện T, tỉnh Long An. Trong thời gian chung sống với nhau, giữa vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến năm 2021 giữa vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do giữa chị N và anh T bất đồng quan điểm, anh T không chung thủy, quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác. Ngoài ra anh T còn thường xuyên nhậu say xỉn về kiếm chuyện chửi mắng, đánh đập vợ con. Do đó, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị N yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị N và anh T có 02 con chung tên Nguyễn Thị Quỳnh A, sinh ngày 29/9/2004 và Nguyễn Xuân K sinh ngày 02/02/2008. Khi ly hôn, chị N đồng ý giao con chung chưa thành niên tên Nguyễn Xuân K cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ (Một triệu đồng) mỗi tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn Nguyễn Minh T: Anh T vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án và không gửi văn bản trình bày ý kiến nên hồ sơ vụ án không thể hiện ý kiến của anh Nguyễn Minh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tranh chấp phát sinh giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp hôn nhân gia đình nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn cư trú tại ấp P, xã N, huyện T, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn Nguyễn Thị N vắng mặt tại phiên Tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn Nguyễn Minh T đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không phải vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan. Do đó, Hội xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Minh T đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Long An, vào sổ đăng ký kết hôn số 120/2004, ngày 22/12/2004 nên quan hệ hôn nhân của chị N và anh T là hôn nhân hợp pháp.

Về nguyên nhân dẫn đến ly hôn: Tại đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, chị N trình bày giữa chị N và anh T chung sống có hạnh phúc trong thời gian đầu. Đến năm 2021, giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, chung sống với nhau không có hạnh phúc. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do chị N và anh T bất đồng quan điểm, anh T không chung thủy, quan hệ lăng nhăng, ngoại tình với người phụ nữ khác, không quan tâm đến cuộc sống của vợ con. Ngoài ra, anh Tân c thường xuyên uống rượu say xỉn, về nhà kiếm chuyện chửi mắng, đánh đập vợ con. Chị N đã sống ly thân với anh T. Hiện nay, chị N cương quyết xin được ly hôn với anh T, không thay đổi quan điểm.

Anh Nguyễn Minh T đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng đã vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đến lần thứ hai mà không có văn bản trình bày ý kiến nên xem như đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình.

Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở xác định mâu thuẫn giữa chị N và anh T đã đến mức trầm trọng, anh T vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng; mẫu thuẫn vợ chồng không khắc phục được, tình cảm giữa vợ và chồng không còn, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Các con của chị N và anh T cũng thống nhất nguyện vọng của chị N, không có ý kiến, yêu cầu gì khi chị N xin ly hôn với anh T.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung:

Chị N và anh T có 02 con chung tên Nguyễn Thị Quỳnh A, sinh ngày 29/9/2004 và Nguyễn Xuân K, sinh ngày 02/02/2008. Khi ly hôn, chị N đồng ý giao con chung chưa thành niên tên Nguyễn Xuân K cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ (Một triệu đồng) mỗi tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Anh T không có ý kiến, yêu cầu gì đối với yêu cầu của chị N về con chung. Cháu Nguyễn Xuân K có văn bản nêu nguyện vọng được sống với cha khi cha mẹ ly hôn. Do đó, anh T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Nguyễn Xuân K, sinh ngày 02/02/2008.

Chị N được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị N về việc cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ (Một triệu đồng) mỗi tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

[2.3] Về tài sản chung: Chị N và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

[3] Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 107 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N: Chị Nguyễn Thị N và được ly hôn với anh Nguyễn Minh T.

2. Về con chung:

Anh Nguyễn Minh T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Nguyễn Xuân K, sinh ngày 02/02/2008.

Sau khi ly hôn, chị Nguyễn Thị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch:

Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí khi ly hôn và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí do cấp dưỡng nuôi con định kỳ. Chuyển 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai thu số 0004520 ngày 26/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh sang thành án phí. Chị N phải nộp tiếp số tiền là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
- TAND tỉnh Long An; **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
- VKSND huyện Tân Thạnh;
- Chi cục THADS huyện Tân Thạnh;
- UBND xã Nhơn Ninh (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu HS.

Nguyễn Thị Ngọc Ánh